



LUẬT

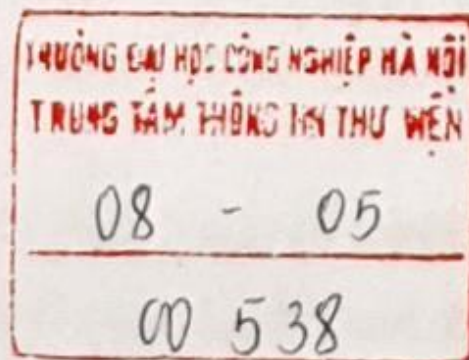
TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

LUẬT

TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI - 2015

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lệnh về việc công bố Luật	5
Luật trọng tài	7

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	7
Điều 2. Thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của Trọng tài	7
Điều 3. Giải thích từ ngữ	8
Điều 4. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài	10
Điều 5. Điều kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài	10
Điều 6. Toà án từ chối thụ lý trong trường hợp có thoả thuận trọng tài	11
Điều 7. Xác định Toà án có thẩm quyền đối với hoạt động trọng tài	11
Điều 8. Xác định Cơ quan thi hành án có thẩm quyền thi hành phán quyết trọng tài, quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài	13
Điều 9. Thương lượng, hòa giải trong tố tụng trọng tài	13
Điều 10. Ngôn ngữ	14
Điều 11. Địa điểm giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài	14
Điều 12. Gửi thông báo và trình tự gửi thông báo	15
Điều 13. Mất quyền phản đối	16
Điều 14. Luật áp dụng giải quyết tranh chấp	17
Điều 15. Quản lý nhà nước về Trọng tài	17

Chương II.

THỎA THUẬN TRỌNG TÀI

Điều 16. Hình thức thoả thuận trọng tài	18
Điều 17. Quyền lựa chọn phương thức giải quyết tranh chấp của người tiêu dùng	19
Điều 18. Thoả thuận trọng tài vô hiệu	20

Điều 19. Tính độc lập của thoả thuận trọng tài	20
--	----

Chương III

TRỌNG TÀI VIÊN

Điều 20. Tiêu chuẩn Trọng tài viên	21
Điều 21. Quyền, nghĩa vụ của Trọng tài viên	22
Điều 22. Hiệp hội trọng tài	22

Chương IV

TRUNG TÂM TRỌNG TÀI

Điều 23. Chức năng của Trung tâm trọng tài	23
Điều 24. Điều kiện và thủ tục thành lập Trung tâm trọng tài	23
Điều 25. Đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài	24
Điều 26. Công bố thành lập Trung tâm trọng tài	24
Điều 27. Tư cách pháp nhân và cơ cấu của Trung tâm trọng tài	25
Điều 28. Quyền và nghĩa vụ của Trung tâm trọng tài	26
Điều 29. Chấm dứt hoạt động của Trung tâm trọng tài	27

Chương V

KHỞI KIỆN

Điều 30. Đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo	27
Điều 31. Thời điểm bắt đầu tố tụng trọng tài	28
Điều 32. Thông báo đơn khởi kiện	29
Điều 33. Thời hiệu khởi kiện giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài	29
Điều 34. Phí trọng tài	29
Điều 35. Bản tự bảo vệ và việc gửi bản tự bảo vệ	30
Điều 36. Đơn kiện lại của bị đơn	31
Điều 37. Rút đơn khởi kiện, đơn kiện lại; sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, đơn kiện lại hoặc bản tự bảo vệ	32
Điều 38. Thương lượng trong tố tụng trọng tài	33

Chương VI

HỘI ĐỒNG TRỌNG TÀI

Điều 39. Thành phần Hội đồng trọng tài	33
Điều 40. Thành lập Hội đồng trọng tài tại Trung tâm trọng tài	33
Điều 41. Thành lập Hội đồng trọng tài vụ việc	35
Điều 42. Thay đổi Trọng tài viên	37
Điều 43. Xem xét thoả thuận trọng tài vô hiệu, thoả thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài	39

Điều 44. Khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định của Hội đồng trọng tài về việc không có thỏa thuận trọng tài, thỏa thuận trọng tài vô hiệu, thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, thẩm quyền của Hội đồng trọng tài	41
Điều 45. Thẩm quyền xác minh sự việc của Hội đồng trọng tài	42
Điều 46. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài về thu thập chứng cứ	43
Điều 47. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài về triệu tập người làm chứng	45

Chương VII

BIỆN PHÁP KHẨN CẤP TẠM THỜI

Điều 48. Quyền yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	46
Điều 49. Thẩm quyền của Hội đồng trọng tài áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	47
Điều 50. Thủ tục áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài	48
Điều 51. Thẩm quyền, thủ tục thay đổi, bổ sung, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời của Hội đồng trọng tài	50
Điều 52. Trách nhiệm của bên yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	51
Điều 53. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Tòa án áp dụng, thay đổi, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời	52

Chương VIII

PHIÊN HỢP GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

Điều 54. Chuẩn bị phiên họp giải quyết tranh chấp	53
Điều 55. Thành phần, thủ tục phiên họp giải quyết tranh chấp	54
Điều 56. Việc vắng mặt của các bên	54
Điều 57. Hoãn phiên họp giải quyết tranh chấp	55
Điều 58. Hoà giải, công nhận hòa giải thành	56
Điều 59. Đình chỉ giải quyết tranh chấp	56

Chương IX

PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

Điều 60. Nguyên tắc ra phán quyết	58
Điều 61. Nội dung, hình thức và hiệu lực của phán quyết trọng tài	58

Điều 62. Đăng ký phán quyết trọng tài vụ việc.....	59
Điều 63. Sửa chữa và giải thích phán quyết; phán quyết bổ sung	61
Điều 64. Lưu trữ hồ sơ	63

Chương X

THI HÀNH PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

Điều 65. Tự nguyện thi hành phán quyết trọng tài.....	63
Điều 66. Quyền yêu cầu thi hành phán quyết trọng tài.....	63
Điều 67. Thi hành phán quyết trọng tài.....	64

Chương XI

HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI

Điều 68. Căn cứ huỷ phán quyết trọng tài.....	64
Điều 69. Quyền yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài.....	65
Điều 70. Đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài.....	66
Điều 71. Tòa án xét đơn yêu cầu huỷ phán quyết trọng tài.....	66
Điều 72. Lệ phí toà án liên quan đến Trọng tài.....	69

Chương XII

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI
TẠI VIỆT NAM**

Điều 73. Điều kiện hoạt động của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.....	70
Điều 74. Hình thức hoạt động của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.....	70
Điều 75. Chi nhánh.....	70
Điều 76. Quyền và nghĩa vụ của Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.....	71
Điều 77. Văn phòng đại diện.....	72
Điều 78. Quyền và nghĩa vụ của Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.....	73
Điều 79. Hoạt động của Chi nhánh, Văn phòng đại diện của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam	74

Chương XIII.

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 80. Áp dụng Luật đối với các Trung tâm trọng tài được thành lập trước ngày Luật này có hiệu lực	74
Điều 81. Hiệu lực thi hành	75